TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25/8/2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Kiều Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Thìn

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thùy D, sinh năm 1992, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1984, vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

Cư trú tại: thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và tại các buổi làm việc, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Lê Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 19/4/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được hai năm nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm hiểu kỹ về nhau trước khi kết hôn nên dẫn đến bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng sống chung với nhau nhưng không có niềm tin, không có sự tôn trọng lẫn nhau, anh Đ nhiều lần ghen tuông, xúc phạm chị. Nay chị thấy rằng giữa vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung với nhau và cũng không thể đoàn tụ được. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Lê Văn Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị D về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 19/4/2019. Sau khi kết hôn, chị D về gia đình anh sinh sống được một vài ngày, sau đó chị D quay về nhà cha mẹ đẻ ở với lý do chăm sóc con nhỏ (con riêng) và thuận tiện cho việc đi làm. Qua năm thứ hai thì mẹ vợ bị bệnh, chị D lấy lý do chăm mẹ nên tiếp tục ở nhà cha mẹ đẻ. Đến năm thứ ba, anh có yêu cầu chị D về nhà chồng sinh sống nhưng chị không chịu, giữa vợ chồng có xảy ra cãi nhau, lúc nóng giận anh có xúc phạm chị D và gia đình vợ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và chị D yêu cầu ly hôn. Bản thân anh nhận thấy mình đã sai nên đã chủ động xin lỗi, gia đình anh cũng đã đến nói chuyện, khuyên chị D nhưng chị và gia đình chị không nghe, không có thiện chí. Anh thấy rằng giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng xây dựng hạnh phúc, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Giữa anh chị chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa Chị Bùi Thị Thùy D và Anh Lê Văn Đ xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ Án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy

định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Chị Bùi Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là Anh Lê Văn Đ đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 12, ngày 19/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của các bên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị D và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[2.1] Chị D cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là do tính tình không hợp, anh Đ nhiều lần ghen tuông và xúc phạm chị, vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, liên lạc với nhau nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh Đ xác định mình có lỗi trong quan hệ vợ chồng nhưng anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ sống chung.

[2.2] Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian qua, giữa vợ chồng không sống chung với nhau, anh Đ nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa, điều này thể hiện anh không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, việc chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh Đ trình bày giữa anh chị không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Án phí: Chị Bùi Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng.

[5] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thùy D được ly hôn Anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003734, ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND nhân dân huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B *(Đăng ký kết hôn số 12, ngày 19/4/2019)*;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung